

Số:

Ngọc Hồi, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Kết quả khảo sát hài lòng của người bệnh Quý III năm 2024

Căn cứ Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 của Bộ Y tế về việc Ban hành Bộ tiêu chí chất lượng Bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 3869/QĐ-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế về việc Ban hành các mẫu phiếu và hướng dẫn khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-BYT ngày 08/1/2024 của Bộ Y tế về việc Ban hành hướng dẫn về phương pháp đo lường hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công giai đoạn 2024 - 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 65/KH-BVKVN ngày 17/01/2024 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi về Khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế năm 2024;

Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của người bệnh quý III năm 2024 như sau:

I. BỆNH NHÂN NỘI TRÚ

1. Thông tin cá nhân

Đã có 150 bệnh nhân và người nhà tham gia trả lời câu hỏi được phân bố theo các khoa lâm sàng cụ thể như sau:

Tên khoa khảo sát	Số lượng	Tỷ lệ %
Khoa Khám - HSCC	9	6
Khoa Nội Nhi	48	32
Khoa Ngoại TH	26	17,3
Khoa Phụ Sản	9	6
Khoa PHCN	10	6,7
Khoa YDCT	23	15,3
Khoa Truyền Nhiễm	25	16,7

Trong đó:

- Có 82 bệnh nhân giới tính nữ chiếm 54,7% và 68 bệnh nhân giới tính nam chiếm 45,3%.

- Có 149 bệnh nhân sử dụng thẻ bảo hiểm y tế khi nhập viện nội trú chiếm 99,3%, và 01 bệnh nhân không sử dụng thẻ bảo hiểm y tế chiếm 0,7%.

- Có 131 bệnh nhân sinh sống ở nông thôn chiếm 87,4%, 11 bệnh nhân sống vùng sâu, xa khó khăn chiếm 7,3% và có 8 bệnh nhân sinh sống ở thành thị chiếm 5,3%.

- Có 11 người bệnh có mức sống cận nghèo chiếm 7,3%, 04 người bệnh có mức sống nghèo chiếm 2,7% và 135 người bệnh có mức sống khác chiếm 90%.

2. Đánh giá về khả năng tiếp cận của người bệnh đối với bệnh viện

Mức độ hài lòng Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%
A1.Các sơ đồ, biển báo chỉ dẫn đường đến các khoa, phòng trong và thông báo giờ khám, chữa bệnh, giờ vào thăm rõ ràng, dễ hiểu, dễ tìm	10	6,7	140	93,3
A2.Các tòa nhà, cầu thang bộ, thang máy, buồng bệnh được đánh số và hướng dẫn rõ ràng, dễ tìm	7	4,7	143	95,3
A3.Các lối đi trong bệnh viện hành lang bằng phẳng, an toàn, dễ đi	10	6,7	140	93,3
A4.Thời gian chờ đợi thang máy, làm thủ tục và chờ đợi trong quá trình khám, chữa bệnh chấp nhận được	4	2,7	146	97,3
A5.Người bệnh hỏi và gọi được nhân viên y tế khi cần thiết	2	1,3	148	98,7
Trung bình		4,42		95,58

* Tỷ lệ bệnh nhân hài lòng về khả năng tiếp cận là **95,58%**. Tỷ lệ bệnh nhân đánh giá chưa hài lòng về khả năng tiếp cận chiếm tỷ lệ rất nhỏ **4,42%**.

3. Đánh giá sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị

Mức độ hài lòng Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%
B1.Quy trình, thủ tục hành chính (nhập, xuất viện, chuyển viện, chuyển khoa...)	2	1,3	148	98,7

rõ ràng, công khai, thuận tiện				
B2.Giá dịch vụ y tế được niêm yết, thông báo công khai ở vị trí dễ quan sát, dễ đọc, dễ hiểu và được tư vấn, giải thích các chi phí cao nếu có	3	2	147	98
B3.Quy trình, thời gian làm thủ tục thanh toán viện phí khi ra viện rõ ràng, công khai, thuận tiện	3	2	147	98
B4.Được phổ biến về nội quy và những thông tin cần thiết khi nằm viện rõ ràng, đầy đủ	2	1,3	148	98,7
B5.Được giải thích về tình trạng bệnh, phương pháp và thời gian dự kiến điều trị rõ ràng, đầy đủ	2	1,3	148	98,7
B6.Được giải thích, tư vấn trước khi yêu cầu làm các xét nghiệm, thăm dò, kỹ thuật cao rõ ràng, đầy đủ	2	1,3	148	98,7
B7.Được công khai và cập nhật thông tin về dùng thuốc và chi phí điều trị	1	0,7	149	99,3
Trung bình		1,42		98,58

* Tỷ lệ bệnh nhân hài lòng rất cao về sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị của bệnh viện là **98,58%**. Tỷ lệ bệnh nhân không hài lòng chỉ chiếm tỷ lệ **1,42%**.

4. Đánh giá về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh

Mức độ hài lòng Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng		Không sử dụng dịch vụ	
	n	%	n	%	n	%
C1.Buồng bệnh khang trang, sạch sẽ, có đầy đủ các thiết bị điều chỉnh nhiệt độ phù hợp như quạt, máy sưởi, hoặc điều hòa	2	1,3	148	98,7	0	0
C2.Buồng bệnh yên tĩnh, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự, phòng ngừa trộm cắp, yên tâm khi nằm viện	1	0,7	149	99,3	0	0
C3.Giường bệnh, ga, gối đầy đủ cho mỗi người một giường,	7	4,7	143	95,3	0	0

chắc chắn, sử dụng tốt						
C4.Được cung cấp quần áo đầy đủ, sạch sẽ	18	12	132	88	0	0
C5.Nhà vệ sinh, nhà tắm thuận tiện, sạch sẽ, sử dụng tốt	6	4	144	96	0	0
C6.Được cung cấp đầy đủ nước uống nóng, lạnh ngay tại khoa điều trị	11	7,3	139	92,7	0	0
C7.Người bệnh và người nhà người bệnh truy cập được mạng internet không dây (wifi) ngay tại buồng bệnh	8	5,4	139	92,6	3	2
C8.Được bảo đảm sự riêng tư khi nằm viện như thay quần áo, khám bệnh, đi vệ sinh tại giường... có rèm che, vách ngăn hoặc nằm riêng	13	8,7	137	91,3	0	0
C9.Căng-tin bệnh viện phục vụ ăn uống và nhu cầu sinh hoạt thiết yếu đầy đủ và chất lượng	13	8,7	130	86,6	7	4,7
C10.Môi trường trong khuôn viên bệnh viện xanh, sạch, đẹp	5	3,3	145	96,7	0	0
C11.Được cung cấp phương tiện vận chuyển nội viện như xe lăn, cáng, xe điện đầy đủ, kịp thời, sử dụng tốt khi có nhu cầu	2	1,3	148	98,7	0	0
Trung bình		5,2		94,2		0,6

* Tỷ lệ bệnh nhân đánh giá hài lòng về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ của bệnh viện là **94,2%**. Tỷ lệ bệnh nhân đánh giá không hài lòng chiếm **5,2%**. Tỷ lệ bệnh nhân không sử dụng dịch vụ hoặc không có ý kiến chiếm **0,6%**.

5. Đánh giá về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế trong bệnh viện

Nội dung	Mức độ hài lòng		Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%	n	%
D1.Bác sỹ, điều dưỡng có lời nói, thái độ, giao tiếp đúng mực	1	0,7	149	99,3		
D2.Nhân viên phục vụ (hộ lý, bảo vệ, kế toán...) có lời nói, thái độ, giao	2	1,3	148	98,7		

tiếp đúng mục				
D3.Được nhân viên y tế tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm, giúp đỡ	2	1,3	148	98,7
D4.Bác sỹ, điều dưỡng hợp tác tốt và xử lý công việc thành thạo, kịp thời	2	1,3	148	98,7
D5.Được bác sỹ thăm khám, động viên tại phòng điều trị	2	1,3	148	98,7
D6.Được tư vấn chế độ ăn, vận động, theo dõi và phòng ngừa biến chứng	1	0,7	149	99,3
D7.Không bị nhân viên y tế gọi ý bồi dưỡng	2	1,3	148	98,7
Trung bình		1,13		98,87

* Tỷ lệ bệnh nhân đánh giá hài lòng rất cao về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế trong bệnh viện là **98,87%**. Tỷ lệ bệnh nhân đánh giá không hài lòng chiếm **1,13%**.

6. Đánh giá về kết quả dịch vụ

Mức độ hài lòng Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%
E1.Thời gian chờ đợi khi khám, chữa bệnh tại bệnh viện	1	0,7	149	99,3
E2.Được cấp phát cho dùng thuốc đúng giờ, hướng dẫn sử dụng thuốc đầy đủ và các tác dụng phụ nếu có	1	0,7	149	99,3
E3.Được nhắc lịch tái khám và hướng dẫn thực hành ăn uống, luyện tập, chăm sóc tại nhà trước khi ra viện	1	0,7	149	99,3
E4.Trang thiết bị, vật tư y tế đầy đủ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh	3	2	147	98
E5.Kết quả điều trị đáp ứng được nguyện vọng	2	1,3	148	98,7
E6.Ông/Bà đánh giá mức độ tin tưởng về chất lượng dịch vụ y tế	2	1,3	148	98,7
Trung bình		1,11		98,89

* Tỷ lệ bệnh nhân hài lòng về kết quả dịch vụ của bệnh viện chiếm tỷ lệ cao **98,89%**. Với kết quả khảo sát cho thấy bệnh nhân khi điều trị tại bệnh viện đặt niềm tin vào chất lượng dịch vụ y tế.

- Đánh giá về số tiền chi trả có tương xứng với chất lượng dịch vụ y tế cụ thể như sau: Tương xứng so với chất lượng chiếm 66,7%; Rẻ hơn so với chất lượng chiếm 4%; Không tự chi trả nên không biết (do BHYT hoặc người khác thanh toán) chiếm 29,3%.

7. Đánh giá chung, bệnh viện đã đáp ứng được bao nhiêu % so với mong đợi của người bệnh trước khi nằm viện?

- Tỷ lệ bệnh nhân hài lòng về bệnh viện đã đáp ứng được 100% so với mong đợi của người bệnh trước khi nằm viện.

8. Đánh giá của người bệnh có muốn quay trở lại hoặc giới thiệu cho người khác đến khám chữa bệnh tại bệnh viện nữa hay không?

Nội dung	N= 150	Tỷ lệ%
Chắc chắn không bao giờ quay trở lại	0	0
Không muốn quay trở lại nhưng có ít lựa chọn khác	0	0
Muốn chuyển tuyến sang bệnh viện khác	0	0
Có thể sẽ quay lại	16	10,7
Chắc chắn sẽ quay lại hoặc giới thiệu cho người khác	134	89,3
Ý kiến khác	0	0

* Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ bệnh nhân chắc chắn sẽ quay lại hoặc giới thiệu cho người khác chiếm tỷ lệ cao hơn là 89,3% trên tổng số bệnh nhân tham gia khảo sát.

8. Những ý kiến đóng góp của người bệnh: Không có ý kiến

II. BỆNH NHÂN NGOẠI TRÚ

1. Thông tin cá nhân

Đã có 150 người bệnh tham gia trả lời câu hỏi, thông tin cá nhân của các đối tượng này được thống kê như sau:

Thông tin	N=150	Tỷ lệ (%)
Giới tính:		
Nam	69	46
Nữ	81	54

Thông tin	N=150	Tỷ lệ (%)
Bảo hiểm y tế:		
Có	145	96,7
Không	5	3,3
Nơi sinh sống hiện nay:		
Thành thị	14	9,3
Nông thôn	128	85,4
Vùng sâu, xa khó khăn	8	5,3
Phân loại mức sống:		
Nghèo	0	0
Cận nghèo	1	0,7
Khác	149	99,3

Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ bệnh nhân ngoại trú có thể bảo hiểm y tế tham gia khảo sát chiếm tỉ lệ cao hơn bệnh nhân ngoại trú không có thể bảo hiểm y tế 96,7%. Tỉ lệ người bệnh sống ở vùng nông thôn chiếm 85,4% và phân loại mức sống khác chiếm 99,3%.

2. Mức độ hài lòng của người bệnh đối với khả năng tiếp cận

Nội dung \ Mức độ hài lòng	Không hài lòng		Hài lòng		Không sử dụng dịch vụ	
	n	%	n	%	n	%
A1.Các biển báo, chỉ dẫn đường đến bệnh viện rõ ràng, dễ nhìn, dễ tìm	16	10,7	131	87,3	3	2
A2.Các sơ đồ, biển báo chỉ dẫn đường đến các khoa, phòng trong bệnh viện rõ ràng, dễ hiểu, dễ tìm	14	9,4	136	90,6	0	0
A3.Các khối nhà, cầu thang được đánh số rõ ràng, dễ tìm	12	8	138	92	0	0
A4.Các lối đi trong bệnh viện, hành lang bằng phẳng, dễ đi	10	6,7	140	93,3	0	0
A5.Có thể tìm hiểu các thông tin và đăng ký khám qua điện thoại, trang tin điện tử của bệnh viện (website) thuận tiện	10	6,7	139	92,6	1	0,7

Trung bình		8,3		91,16		0,54
-------------------	--	------------	--	--------------	--	-------------

* Tỷ lệ bệnh nhân đánh giá hài lòng đối với khả năng tiếp cận là **91,16%**. Bên cạnh đó tỷ lệ bệnh nhân đánh giá không hài lòng ở tiêu chí này chỉ chiếm **8,3%** tại nội dung A1 (Các biển báo, chỉ dẫn đường đến bệnh viện rõ ràng, dễ nhìn, dễ tìm). Tỷ lệ bệnh nhân không sử dụng dịch vụ hoặc không có ý kiến chiếm **0,54%**.

3. Mức độ hài lòng với sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị

Nội dung	Mức độ hài lòng		Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%	n	%
B1.Quy trình khám bệnh được niêm yết rõ ràng, công khai, dễ hiểu	12	8	141	92		
B2.Các quy trình, thủ tục khám bệnh đơn giản, thuận tiện	9	6	141	94		
B3.Giá dịch vụ y tế niêm yết rõ ràng, công khai	10	6,7	140	93,3		
B4.Nhân viên y tế tiếp đón, hướng dẫn người bệnh làm các thủ tục niêm nở, tận tình	9	6	141	94		
B5.Được xếp hàng theo thứ tự trước sau khi làm các thủ tục đăng ký, nộp tiền, khám bệnh, xét nghiệm, chiếu chụp	10	6,7	140	93,3		
B6.Đánh giá thời gian chờ đợi làm thủ tục đăng ký khám	6	4	144	96		
B7.Đánh giá thời gian chờ tới lượt bác sỹ khám	7	4,7	143	95,3		
B8.Đánh giá thời gian được bác sỹ khám và tư vấn	9	6	141	94		
B9.Đánh giá thời gian chờ làm xét nghiệm, chiếu chụp	6	4	144	96		
B10.Đánh giá thời gian chờ nhận kết quả xét nghiệm, chiếu chụp	6	4	144	96		
Trung bình		5,61		94,39		

* Tỷ lệ bệnh nhân đánh giá hài lòng đối với sự minh bạch thông tin và thủ tục khám và điều trị chiếm tỷ lệ cao là **94,39%**.

Bên cạnh đó tỉ lệ bệnh nhân đánh giá chưa hài lòng là **5,61%** tại những nội dung B1, B3, B5 (Quy trình khám bệnh được niêm yết rõ ràng, công khai, dễ hiểu; Giá dịch vụ y tế niêm yết rõ ràng, công khai; Được xếp hàng theo thứ tự trước sau khi làm các thủ tục đăng ký, nộp tiền, khám bệnh, xét nghiệm, chiếu chụp).

4. Mức độ hài lòng với cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh

Mức hài lòng Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%
C1.Có phòng/sảnh chờ khám sạch sẽ, thoáng mát vào mùa hè; kín gió và ấm áp vào mùa đông	9	6	141	94
C2.Phòng chờ có đủ ghế ngồi cho người bệnh và sử dụng tốt	8	5,3	142	94,7
C3.Phòng chờ có quạt (điều hòa) đầy đủ, hoạt động thường xuyên	8	5,3	142	94,7
C4.Phòng chờ có các phương tiện giúp người bệnh có tâm lý thoải mái như ti-vi, tranh ảnh, tờ rơi, nước uống...	9	6	141	94
C5.Được bảo đảm sự riêng tư khi khám bệnh, chiếu chụp, làm thủ thuật	9	6	141	94
C6.Nhà vệ sinh thuận tiện, sử dụng tốt, sạch sẽ	8	5,3	142	94,7
C7.Môi trường trong khuôn viên bệnh viện xanh, sạch, đẹp	9	6	141	94
C8.Khu khám bệnh bảo đảm an ninh, trật tự, phòng ngừa trộm cắp cho người dân	8	5,3	142	94,7
Trung bình		5,65		94,35

* Tỉ lệ bệnh nhân đánh giá hài lòng đối với cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ của bệnh viện chiếm tỉ lệ cao là **94,35%**. Bên cạnh đó tỉ lệ bệnh nhân đánh giá chưa hài lòng là **7,57%** tại những nội dung C1, C4, C5, C7 (Có phòng/sảnh chờ khám sạch sẽ, thoáng mát vào mùa hè; kín gió và ấm áp vào mùa đông; Phòng chờ có các phương tiện giúp người bệnh có tâm lý thoải mái như ti-vi, tranh ảnh, tờ rơi, nước uống...; Được bảo đảm sự riêng tư khi khám bệnh, chiếu chụp, làm thủ thuật; Môi trường trong khuôn viên bệnh viện xanh, sạch, đẹp).

5. Mức độ hài lòng với thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế

Nội dung	Mức độ hài lòng		Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%	n	%
D1.Nhân viên y tế (bác sỹ, điều dưỡng) có lời nói, thái độ, giao tiếp đúng mực	10	6,7	140	93,3		
D2.Nhân viên phục vụ (hộ lý, bảo vệ, kế toán...) có lời nói, thái độ, giao tiếp đúng mực	6	4	144	96		
D3.Được nhân viên y tế tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm, giúp đỡ	5	3,3	145	96,7		
D4.Năng lực chuyên môn của bác sỹ, điều dưỡng đáp ứng mong đợi	8	5,3	142	94,7		
Trung bình		4,8		95,2		

* Tỷ lệ bệnh nhân đánh giá hài lòng đối với thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế là **95,2%** cho thấy được nhân viên bệnh viện tuân thủ quy tắc giao tiếp ứng xử khi làm việc, đồng thời qua công tác khám chữa bệnh và tiếp xúc khiến bệnh nhân đánh giá được nhân viên y tế đối xử công bằng, quan tâm, giúp đỡ; năng lực chuyên môn của nhân viên y tế đáp ứng mong đợi.

6. Mức độ hài lòng với kết quả cung cấp dịch vụ

Nội dung	Mức độ hài lòng		Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%	n	%
E1.Kết quả khám bệnh đã đáp ứng được nguyện vọng của Ông/Bà	6	4	144	96		
E2.Các hóa đơn, phiếu thu, đơn thuốc và kết quả khám bệnh được cung cấp đầy đủ, rõ ràng, minh bạch và được giải thích nếu có thắc mắc	7	4,7	143	95,3		
E3.Đánh giá mức độ tin tưởng về chất lượng dịch vụ y tế.	7	4,7	143	95,3		
E4.Đánh giá mức độ hài lòng về giá cả dịch vụ y tế	7	4,7	143	95,3		
Trung bình		4,5		95,5		

* Trong đó:

- Mức độ hài lòng của người bệnh đối với kết quả cung cấp dịch vụ của bệnh viện là **95,5%**.

- Đánh giá về số tiền chi trả có tương xứng với chất lượng dịch vụ y tế cụ thể như sau: Tương xứng so với chất lượng chiếm 54,7%; Rẻ hơn so với chất lượng chiếm 28%; Không tự chi trả nên không biết (do BHYT hoặc người khác thanh toán) chiếm 17,3%.

7. Đánh giá chung bệnh viện đã đáp ứng được 100% so với mong đợi trước khi khám bệnh.

8. Đánh giá của người bệnh có muốn quay trở lại hoặc giới thiệu cho người khác đến khám chữa bệnh tại bệnh viện nữa hay không?

Nội dung	N	Tỷ lệ%
Chắc chắn không bao giờ quay trở lại	0	0
Không muốn quay trở lại nhưng có ít lựa chọn khác	0	0
Muốn chuyển tuyến sang bệnh viện khác	0	0
Có thể quay lại	37	24,7
Chắc chắn sẽ quay lại hoặc giới thiệu cho người khác	113	75,3
Ý kiến khác	0	0

* Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ bệnh nhân chắc chắn sẽ quay lại hoặc giới thiệu cho người khác chiếm tỉ lệ cao hơn là 75,3% trên tổng số bệnh nhân tham gia khảo sát.

9. Những ý kiến đóng góp của người bệnh: Không có nước uống cho bệnh nhân uống thuốc.

III. NGƯỜI MẸ SINH CON TẠI BỆNH VIỆN

1. Thông tin cá nhân

Đã có 50 bà mẹ tại khoa Phụ Sản tham gia trả lời câu hỏi khảo sát.

- Có 50 bà mẹ tham gia khảo sát sử dụng thẻ bảo hiểm y tế.

- Trong đó có 38 bà mẹ đẻ thường chiếm 76%, 01 bà mẹ đẻ mổ cấp cứu chiếm 2%, 11 mổ đẻ có chuẩn bị chiếm 22%.

- Trong 50 bà mẹ có 40 bà mẹ có đến khám thai tại bệnh viện chiếm 80%, 10 bà mẹ chỉ đến sinh chiếm 20%.

2. Đánh giá về khả năng tiếp cận của bà mẹ đối với bệnh viện

Mức độ hài lòng Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%
A1. Được chỉ dẫn đến các khoa, phòng rõ ràng, dễ hiểu, dễ tìm	0	0	50	100
A2. Có thể gọi và hỏi được nhân viên y tế khi cần thiết (kể cả ngoài giờ hành chính)	0	0	50	100
Trung bình		0		100

* Tỷ lệ hài lòng về khả năng tiếp cận của bà mẹ đối với bệnh viện là 100%.

3. Quy trình khám và nhập viện

Mức độ hài lòng Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%
B1. Quy trình, thủ tục nhập viện rõ ràng, công khai, thuận tiện	0	0	50	100
B2. Thời gian chờ đợi làm các thủ tục, dịch vụ chấp nhận được	0	0	50	100
Trung bình		0		100

* Tỷ lệ hài lòng của bà mẹ về quy trình khám nhập viện của bệnh viện là 100% .

4. Cung cấp thông tin, truyền thông và tư vấn

Mức độ hài lòng Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%
C1. Được cung cấp thông tin yêu cầu xét nghiệm, siêu âm, chiếu chụp... trước sinh	0	0	50	100
C2. Được thông tin, tư vấn về quá trình sinh con và các nguy cơ tai biến có thể xảy ra	0	0	50	100
C3. Được truyền thông, tư vấn phát hiện các dấu hiệu nguy hiểm, cách chăm sóc, chế độ dinh dưỡng và nuôi con bằng sữa mẹ	0	0	50	100
Trung bình		0		100

* Tỷ lệ hài lòng của bà mẹ về cung cấp thông tin, truyền thông của bệnh viện là 100% cho thấy khi bà mẹ đến sinh con tại bệnh viện luôn được nhân viên y tế hỗ trợ, cung cấp thông tin về các yêu cầu xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh cần thực hiện trước khi sinh; quá trình sinh con và những nguy cơ có thể xảy ra đồng thời lồng ghép truyền thông về chế độ dinh dưỡng, nuôi con bằng sữa mẹ, cách chăm sóc, theo dõi phát hiện các dấu hiệu nguy hiểm ở mẹ và bé.

5. Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh

Mức độ hài lòng Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%
D1. Giường đệm cho mẹ và con an toàn, không nằm ghép	0	0	50	100
D2. Được cung cấp chăn, ga, gối, váy, tã đầy đủ, sạch sẽ cho mẹ và con	0	0	50	100
D3. Nhà vệ sinh, nhà tắm sạch sẽ, có giấy, xà phòng, nước đầy đủ	0	0	50	100
D4. Buồng bệnh thông thoáng, sạch sẽ, có quạt, máy sưởi hoặc điều hòa	0	0	50	100
D5. Được bảo đảm riêng tư khi thay quần áo, thăm khám, vệ sinh tại giường như có rèm che, vách ngăn di động hoặc nằm buồng riêng	0	0	50	100
D6. Có các dịch vụ tiện ích khác cho bà mẹ, em bé như gọi đầu tại chỗ, tắm gội mát-xa, đạt chất lượng tốt.	0	0	50	100
Trung bình		0		100

* Tỷ lệ hài lòng của bà mẹ về cơ sở vật chất của bệnh viện là 100%.

Kết quả khảo sát cho thấy tất cả bà mẹ hài lòng với tình trạng cơ sở vật chất của bệnh viện.

6. Thái độ ứng xử của nhân viên y tế

Mức độ hài lòng Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%
E1. Bác sỹ có lời nói, thái độ, giao tiếp đúng mực	0	0	50	100
E2. Điều dưỡng, hộ sinh có lời nói, thái độ, giao tiếp đúng mực	0	0	50	100

E3. Nhân viên phục vụ (hộ lý, bảo vệ, kế toán...) có lời nói, thái độ, giao tiếp đúng mực	0	0	50	100
E4. Nhân viên y tế không gợi ý bồi dưỡng	0	0	50	100
Trung bình		0		100

* Tỷ lệ hài lòng của bà mẹ về thái độ của nhân viên y tế tại bệnh viện là 100%. Với kết quả trên nhận thấy nhân viên y tế tại khoa Phụ sản thực hiện tốt quy tắc giao tiếp ứng xử với người bệnh. Phần lớn số bà mẹ tham gia khảo sát trả lời rất hài lòng về thái độ, lời nói và giao tiếp đúng mực của nhân viên bệnh viện.

7. Năng lực chuyên môn của nhân viên y tế

Mức độ hài lòng Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%
G1. Bác sỹ có trình độ chuyên môn, kỹ năng thăm khám tốt	0	0	50	100
G2. Điều dưỡng, hộ sinh có trình độ chuyên môn tốt, chăm sóc chu đáo	0	0	50	100
G3. Bác sỹ, điều dưỡng, hộ sinh phối hợp tốt và xử lý công việc thành thạo, kịp thời	0	0	50	100
Trung bình				100

* Tỷ lệ hài lòng của bà mẹ về năng lực chuyên môn của nhân viên y tế tại bệnh viện là 100% bao gồm các nội dung về trình độ, kỹ năng khám, chăm sóc, phối hợp của nhân viên y tế.

8. Kết quả nằm viện

Mức độ hài lòng Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%
H1. Sinh đẻ an toàn, điều trị và chăm sóc tốt	0	0	50	100
H2. Cấp phát thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc đầy đủ	0	0	50	100
H3. Giá cả dịch vụ y tế phù hợp, tương xứng với số tiền bỏ ra	0	0	50	100
Trung bình				100

* Tỷ lệ hài lòng của bà mẹ về kết quả nằm viện là 100%

9. Đánh giá bà mẹ có muốn quay trở lại hoặc giới thiệu cho người khác đến khám, sinh con tại bệnh viện nữa hay không?

Nội dung	N	Tỷ lệ%
Chắc chắn không bao giờ quay trở lại	0	0
Không muốn quay trở lại nhưng có ít lựa chọn khác	0	0
Muốn chuyển tuyến sang bệnh viện khác	0	0
Có thể sẽ quay lại	0	0
Chắc chắn sẽ quay lại hoặc giới thiệu cho người khác	49	98
Ý kiến khác	1	2

- Tỷ lệ hài lòng mong đợi của bà mẹ về bệnh viện là 98%

IV. KẾT LUẬN

Qua khảo sát hài lòng người bệnh nội trú và ngoại trú Tổ đo lường công bố các chỉ số sau:

1. Đối với bệnh nhân nội trú tại bệnh viện:

- Tổng điểm trung bình của người dùng chọn từ A đến E là 4,37

- Tỷ lệ hài lòng chung là 97,10%

- Điểm trung bình từng phần đó là :

*A: 4,30 *B: 4,36

*C: 4,36 *D: 4,47 *E: 4,36

- Tỷ lệ hài lòng so với mong đợi là 94,36%.

- Tỷ lệ người bệnh sẽ quay lại là 100%.

- Chỉ số hài lòng toàn diện là: 76,67%.

2. Đối với bệnh nhân ngoại trú tại bệnh viện:

- Tổng điểm trung bình của người dùng chọn từ A đến E là 4,23

- Tỷ lệ hài lòng chung là 94,18%

- Điểm trung bình từng phần đó là :

*A: 4,19 *B: 4,21

*C: 4,24 *D: 4,36 *E: 4,23

- Tỷ lệ hài lòng so với mong đợi là 88,7%.

- Tỷ lệ người bệnh sẽ quay lại là 100%.

- Chỉ số hài lòng toàn diện là: 82%.

3. Đối với bà mẹ sinh con tại bệnh viện

- Tổng điểm trung bình của người dùng chọn: 4,67

- Tỷ lệ hài lòng chung là 100%

- Điểm trung bình từng phần đó là:

*A: 4,84 *B: 4,72

*C: 4,68 *D: 4,54 *E: 4,98 *G: 4,49 *H: 4,48

- Tỷ lệ hài lòng so với mong đợi là 94,4%.

- Tỷ lệ bà mẹ sẽ quay lại là 98%.

- Chỉ số hài lòng toàn diện là: 100%.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát hài lòng người bệnh quý III năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi.

Nơi nhận:

- Ban giám đốc (B/c);
- Các khoa, phòng;
- Lưu VT, ĐD-QLCL-CTXH.

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Đào